TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11-9-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thanh Châu Giang
2. Bà Trần Thị Bích Huề

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Lộc Hồng Điệp – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bàn Tòn N, sinh năm 1994
Địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện V, tỉnh Yên Bái (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Đặng Thị B, sinh năm 2001
Địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện V, tỉnh Yên Bái
Hiện tạm trú tại: Thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai nguyên đơn anh Bàn Tòn N trình bầy: Tôi và chị Đặng Thị B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký ngày 20/11/2019 tại ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 8/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị B tự ý bỏ nhà đi làm ăn, tôi và gia đình hai bên nội ngoại đã khuyên bảo chị B rất nhiều lần là về nhà làm ăn tại nhà nhưng chị B không nghe và vẫn cố tình bỏ đi làm ăn, cụ thể làm ở đâu và làm nghề gì tôi cũng không biết. Tôi chỉ biết là khi nào không đi làm thuê thì về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã M, huyện V ở. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay không ai quan tâm đến ai

cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn chị B.

Về con chung: Có 02 cháu: Bàn Sinh K sinh ngày 10/12/2018; Bàn Sinh Đ sinh ngày 14/01/2021. Hiện nay hai con đang ở cùng tôi. Khi ly hôn tôi nhận nuôi hai con và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con. Công việc của tôi hiện nay làm nông nghiệp tại nhà, thu nhập một tháng bình quân 8.000.000 đồng đủ để nuôi hai con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã nhiều lần báo gọi và gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị B không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các giấy tờ của Tòa án cho chị B. Bà Đặng Thị B là mẹ đẻ chị B đã trực tiếp nhận và thông báo cho chị B, chị B biết việc Tòa án báo gọi đến để giải quyết việc anh Bàn Tòn N xin ly hôn chị. Nhưng chị B không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Bàn Tòn N được ly hôn chị Đặng Thị B.

Về con chung: Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao hai cháu Bàn Sinh K sinh ngày 10/12/2018; Bàn Sinh Đ sinh ngày 14/01/2021 cho anh Bàn Tòn N nuôi dưỡng. Chị Đặng Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Bàn Tòn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bàn Tòn N và chị Đặng Thị B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 20 tháng 11 năm 2019 là hôn nhân hợp pháp. Anh N cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 8/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị B tự ý bỏ nhà đi làm ăn, anh và gia đình hai bên nội ngoại đã khuyên bảo chị B rất nhiều lần là về nhà làm ăn tại nhà nhưng chị B không nghe. Vẫn cố tình bỏ đi làm ăn, cụ thể làm ở đâu và làm nghề gì anh N cũng không biết. Anh N chỉ biết là khi nào không đi làm thuê thì về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã M, huyện V ở. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Anh N xin ly hôn chị B là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Anh N và chị B hiện nay đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai nữa. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa anh N và chị B đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho anh N được ly hôn chị B là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 02 cháu: Bàn Sinh K sinh ngày 10/12/2018; Bàn Sinh Đ sinh ngày 14/01/2021. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh N, chị B bỏ đi làm ăn không về chăm sóc con chung. Khi ly hôn anh N nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu được ổn định, đầy đủ và không làm xáo trộn cuộc sống của các cháu. Do vậy cần giao hai cháu cho anh N nuôi dưỡng, chị B không phải cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của anh N về nuôi con chung không trái với quy định tại điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Bàn Tòn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Bàn Tòn N được ly hôn chị Đặng Thị B.

2. Về con chung: Có 02 cháu: Bàn Sinh K sinh ngày 10/12/2018; Bàn Sinh Đ sinh ngày 14/01/2021.

Xử giao hai cháu Bàn Sinh K và Bàn Sinh Đ cho anh Bàn Tòn N trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Chị Đặng Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Anh Bàn Tòn N phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2022/0001769 ngày 11/7/2023 tại Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Xác nhận anh N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự (2)
- UBND xã V.
- Lưu HS (2)-TQĐ(2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Thoảng